TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 321/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/8/2023
" V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA-TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triều Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Anh Dũng.

2. Bà Vương Thị Khánh Loan.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Anh Thư - Thư ký TAND TP.Biên Hòa.

- ***Đại diện VKSND thành phố Biên Hòa*** *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thúy Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1502/2023/TLST-HNGĐ ngày 19/6/2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1985.

- Bị đơn: Ông Trần Ngọc O, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: A4/310C, khu phố 4, phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T có đơn xin vắng mặt, ông O vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*****Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn, bản tự khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày: Bà T và ông Trần Ngọc O tự nguyện yêu thương và có đăng ký kết hôn năm 2003 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng được một thời gian thì thường xuyên xảy ra mâu Tẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau. Ông O nhiều lần đánh bà T và có tính gia trưởng nên bà không thể tiếp tục chung sống cùng ông O. Nhiều lần vợ chồng hàn gắn nhưng

không được. Nay bà T xác định tình cảm không còn, không thể chung sống với nhau được nữa, cuộc sống chung trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông O.

Về con chung: Có 02 con chung là Trần Ngọc Thắng, sinh ngày 15/11/2005 và Trần Thị Thùy Trang, sinh ngày 19/12/2001. Ly hôn, bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Thắng, không yêu cầu ông O cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Trang đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa Tận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Ý kiến bị đơn trình bày như sau: Ông O vắng mặt tại phiên tòa xét xử và tại bản tự khai ông O trình bày:

Ông O và bà Nguyễn Thị Ngọc T tự nguyện đến với nhau vào năm 2003, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai hôn nhân tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng được một thời gian thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau. Ông O thừa nhận có đánh vợ nhưng rất hối lỗi và mong vợ tha thứ. Do thiếu suy nghĩ trong lúc nóng tính nên mới xảy ra sự việc như vậy. Bản thân ông còn tình cảm với vợ nên ông muốn hàn gắn gia đình. Do đó, bà T đề nghị ly hôn thì ông không đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung là Trần Ngọc T, sinh ngày 15/11/2005 và Trần Thị Thùy T1, sinh ngày 19/12/2001. Nếu bà T cương quyết ly hôn thì tạm thời ông O đồng ý giao cháu Thắng cho bà T nuôi dưỡng, ông O không cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu T1 đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa Tận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

***** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa về sự vắng mặt của các đương sự: Ông Trần Ngọc O hiện đang sinh sống tại địa A4/310C, khu phố 4, phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ Điều 28 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông O cố tình vắng mặt không có lý do, bà Nguyễn Thị Ngọc T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử. Căn cứ Điều 227, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Hôn nhân giữa bà T và ông O là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà T có căn cứ.

- Về con chung: Các đương sự có con chung là Trần Ngọc T, sinh ngày 15/11/2005 và Trần Thị Thùy T1, sinh ngày 19/12/2001. Giữa ông O và bà T đã thống nhất giao cháu Thắng cho bà T nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Thắng cho bà T nuôi dưỡng. Tạm thời ông O không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Trang đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Đương sự khai không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Ông Trần Ngọc O hiện đang sinh sống tại địa A4/310C, khu phố 4, phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ Điều 28 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông O cố tình vắng mặt không có lý do, bà Nguyễn Thị Ngọc T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử. Căn cứ Điều 227, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông O chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2003 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của bà T thì vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, nguyên nhân mâu Tẫn vợ chồng, thường xuyên gây gỗ nhau và ông O thường xuyên đánh đập bà T. Tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông O thật sự trầm trọng không thể hàn gắn được, Tòa án đã tạo điều kiện hòa giải hàn gắn đoàn tụ nhưng bà T cương quyết ly hôn không đồng ý đoàn tụ. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc ly hôn với ông Trần Ngọc O.

[3] Về con chung: Các đương sự có hai con chung là Trần Ngọc T, sinh ngày 15/11/2005 và Trần Thị Thùy T1, sinh ngày 19/12/2001. Bà T và ông O đã thống nhất giao cháu Thắng cho bà T nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử tạm thời giao cháu Thắng cho bà T nuôi dưỡng. Tạm thời ông O không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu T1 đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên cần ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 207, Điều 271, Điều 273 và Điều 227, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 9,10,11,12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng Điều 6; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc T. Bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông với ông Trần Ngọc O.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Ngọc T, sinh ngày 15/11/2005 cho bà T nuôi dưỡng. Tạm thời ông O không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu T1 đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Ông O được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Đương sự khai không nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự TP Biên Hòa, biên lai số 0008104 ngày 13/6/2023. Bà T đã nộp xong án phí.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự (2);
- VKSND TP.Biên Hòa (2);
- Chi cục THA dân sự TP.Biên Hòa (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- UBND P.Tân Vạn, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1);
- Lưu văn phòng (1).

Nguyễn Triều Châu